

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: 19XL-SXKD-2024:
Bảo trì các công trình xây dựng, đường vận hành nội bộ NMTĐ Đồng Nai 4.**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI

Căn cứ quyết định số 378/QĐ-EVNGENCO1 ngày 27/9/2019 Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Phát điện 1 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Thủy điện Đồng Nai;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc Hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-HĐTV ngày 15/12/2022 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Phát điện 1 về việc ban hành Quy định phân cấp trong Tổng công ty Phát điện 1;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ- EVNGENCO1 ngày 23/3/2023 của Tổng Công ty Phát điện 1 quy định phân cấp, ủy quyền của Tổng giám đốc Tổng công ty Phát điện 1 cho Người đứng đầu các Đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-EVN ngày 01/10/2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam “V/v: Ban hành Quy chế về công tác đấu thầu sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam”;

Căn cứ Quyết định số 476/QĐ-TĐĐN ngày 01/11/2022 của Công ty Thủy điện Đồng Nai “V/v: Ban hành Quy trình đấu thầu trong Công ty Thủy điện Đồng Nai (ban hành lần 2);

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-EVNGENCO1 ngày 06/12/2023 của Tổng Công ty Phát điện 1 về việc tạm giao chi phí sản xuất kinh doanh điện năm 2024 – Công ty Thủy điện Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-EVNGENCO1 ngày 07/03/2024 của của Tổng Công ty Phát điện 1 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 1-TCT) sản xuất kinh doanh điện năm 2024 - Công ty Thủy điện Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định 95/QĐ-TĐĐN ngày 29/02/2024 của Giám đốc Công ty Thủy điện Đồng Nai phê duyệt dự toán Bảo trì các công trình xây dựng, đường vận hành nội bộ NMTĐ Đồng Nai 4;

Căn cứ tờ trình số 134/XT ngày 22/4/2024 của Tổ chuyên gia xét thầu về việc trình Trình duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: 19XL-SXKD-2024: Bảo trì các công trình xây dựng, đường vận hành nội bộ NMTĐ Đồng Nai 4;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định đấu thầu tại Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: 19XL-SXKD-2024: Bảo trì các công trình xây dựng, đường vận hành nội bộ NMTĐ Đồng Nai 4 số 127/TDDT ngày 25/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: 19XL-SXKD-2024: Bảo trì các công trình xây dựng, đường vận hành nội bộ NMTĐ Đồng Nai 4, với các nội dung chính như sau:

1.1 - Đơn vị trúng thầu: Công ty Cổ phần Xây dựng Phát Định.

1.2 - Giá trúng thầu: 3.250.474.205 đồng

(Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm năm mươi triệu, bốn trăm bảy mươi bốn nghìn, hai trăm lẻ năm đồng).

(Chi tiết xem phụ lục đính kèm.)

1.3 - Địa điểm thực hiện: Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 4.

1.4 - Loại hợp đồng : Hợp đồng trọn gói

1.5 - Thời gian thực hiện Hợp đồng: 240 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

1.6 - Bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá trị Hợp đồng.

1.7 - Phạm vi công việc: Theo HSMT được duyệt tại Quyết định số 119/QĐ-TĐĐN ngày 15/3/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai.

Điều 2. Giao cho Phòng Kế hoạch và Vật tư, Phòng Tài chính và Kế toán, Phòng Kỹ thuật và An toàn và các phòng chức năng liên quan chịu trách nhiệm mời Công ty Cổ phần Xây dựng Phát Định đến ký và thực hiện hợp đồng với giá trị không vượt quá giá trị trúng thầu, trên cơ sở các quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Phó Giám đốc và Trưởng các phòng/Phân xưởng của Công ty căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu: VT, KH.

KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Vĩnh

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

Đính kèm quyết định số /QĐ-TĐĐN ngày /4/2024

về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: 19XL-SXKD-2024: Bảo trì các công trình xây dựng, đường vận hành nội bộ NMTĐ Đồng Nai 4

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục
1	Phát quang, vét rãnh thoát nước toàn bộ công trình (4 lần/năm)		426.407.685
1.1	Phát quang dọc hai bên đường (lần 1, 2, 3, 4)	100m2	292.345.515
1.2	Đào hót đất sụt bằng thủ công (2 lần/năm)	m3	118.086.760
1.3	vận chuyển đất bằng thủ công cự ly 100m (2 lần/năm)	m3	15.975.410
2	Phát quang các diện tích mái taluy (2 lần/năm)		131.791.990
2.1	Phát quang cắt cỏ lần 1	100m2	65.895.995
2.2	Phát quang cắt cỏ lần 2	100m2	65.895.995
3	Sửa chữa đường vận hành nội bộ		443.456.475
3.1	Đào móng bằng bằng thủ công, rộng ≤3m, sâu ≤1m-đất cấp III	cây	10.970.355
3.2	Bê tông mương cáp, rãnh nước SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, PC40, đá 1x2	kg	10.629.080
3.3	Ván khuôn gỗ móng - móng vuông, chữ nhật	100m3	10.084.910
3.4	Vá mặt đường bằng đá 4x6 chèn đá dăm lớp hao mòn bằng đá mặt, thi công bằng thủ công kết hợp cơ giới - Chiều dày mặt đường đã lèn ép 15cm	m3	210.287.110
3.5	Vá mặt đường bằng đá dăm nhựa - Chiều dày mặt đường đã lèn ép 5cm	100m2	201.485.020
4	Đập chính, đập tràn	100m2	54.480.580
4.1	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên tường	100m3	2.172.005
4.2	Bả bằng matít vào tường	m3	8.350.485
4.3	Sơn dầm, trần cột, tường ngoài nhà đã bả sơn ICI Dulux, 1 nước lót 2 nước phủ	m3	24.340.855
4.4	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà đã bả sơn ICI Dulux, 1 nước lót 2 nước phủ	NC 3,0/7 nhóm 1	14.191.430
4.5	Vệ sinh, chống thấm mái sê nô	tấn	3.719.430

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục
4.6	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn kova A9, 1 nước lót, 2 nước phủ (sơn trắng)	tấn	1.075.250
4.7	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn kova A9, 1 nước lót, 2 nước phủ (sơn đỏ)	m2	631.125
5	Kho vật tư		26.385.700
5.1	Đào móng bằng thủ công, rộng $\leq 3\text{m}$, sâu $\leq 1\text{m}$ -đất cấp III	100m3	548.845
5.2	Làm và thả rọ đá, loại 1x1x1m trên cạn	m3	21.406.825
5.3	Bê tông nền SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, PC40, đá 1x2	m3	1.388.475
5.4	Tháo dỡ tấm đan mương thoát nước sẵn bằng thủ công, trọng lượng cấu kiện $\leq 50\text{ kg}$	m2	1.497.870
5.5	Đào hót đất sụt bằng thủ công	100m3	1.030.370
5.6	Lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn, lắp các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng $\leq 50\text{ kg}$	NC 3,0/7 nhóm 1	513.315
6	Cửa nhận nước	NC 3,0/7 nhóm 1	52.562.895
6.1	Đào hót đất sụt bằng thủ công	m3	10.902.100
6.2	Vận chuyển tiếp đất bằng thủ công cự ly 70m	NC 3,0/7 nhóm 1	1.696.090
6.3	Cạo bỏ lớp sơn cũ trên tường	m3	1.106.105
6.4	Bả bằng matít vào tường	m2	4.250.510
6.5	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà đã bả sơn ICI Dulux, 1 nước lót 2 nước phủ	m2	8.225.195
6.6	Sơn dầm, trần cột, tường ngoài nhà đã bả sơn ICI Dulux, 1 nước lót 2 nước phủ (DUXLUX)	NC 3,0/7 nhóm 1	11.129.305
6.7	Phá dỡ nền gạch	m2	1.099.560
6.8	Đào xúc đất bằng thủ công-đất cấp I	m2	549.780
6.9	Láng nền, sàn không đánh màu, dày 3cm, vữa XM M75, PCB40	m2	363.715
6.10	Quét Sika Latex chống thấm mái, sê nô	m2	4.337.465
6.11	Nhỏ cỏ mái taluy	m2	2.479.620

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục
6.12	Bê tông mương cáp, rãnh nước SX bằng máy trộn, đổ bằng thủ công, M200, PC40, đá 1x2	m3	6.423.450
7	Tram Phân phối	m3	63.657.605
7.1	Tháo dỡ gạch ốp tường	m3	353.430
7.2	Ốp đá granit tự nhiên vào tường	m3	29.657.265
7.3	Cung cấp. Lắp đặt chữ nổi chất liệu Inox 304 màu vàng đồng	m2	1.726.945
7.4	Sản xuất các kết cấu thép thép mạ kẽm	m2	17.928.625
7.5	Cung cấp, lắp đặt lưới kẽm gai mạ kẽm đường kính d40, kẽm gai hình lưỡi dao	tấn	13.991.340
8	Khu nhà QLVH	tấn	955.766.350
8.1	Nhà ăn ca	m2	752.206.565
8.2	Nhà xử lý nước		22.873.840
8.3	Khuôn viên		180.685.945
9	Nhà máy		1.095.964.925
9.1	Khuôn viên, sân 315, sân 325		600.301.790
9.2	Sân 307		93.816.030
9.3	Sân 300		122.596.265
9.4	Sân 277		87.547.790
9.5	Khoan thoát nước mái đào		42.829.545
9.6	Gia cố hạ lưu mương nước mái đào		148.873.505
	Tổng giá hợp đồng (đã bao gồm thuế)		3.250.474.205
	Giá trị hợp đồng trước thuế		3.009.698.338
	Thuế VAT (8%)		240.775.867